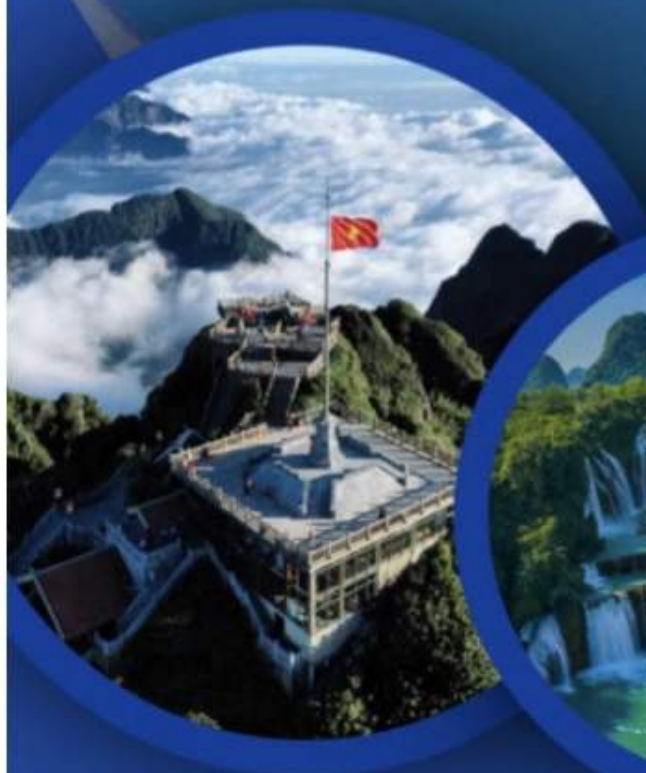


BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

**PHÁT TRIỂN VÀ
QUẢN LÝ BỀN VỮNG
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:
TỪ MIỀN NÚI TỚI VEN BIỂN**



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ BỀN VỮNG
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:
TỪ MIỀN NÚI TỚI VEN BIỂN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ
HÀ NỘI - 2023

1. CHÍNH SÁCH PHÁP LÝ VỀ PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ BỀN VỮNG NGUỒN TÀI NGUYÊN NƯỚC - KINH NGHIỆM TỪ KHU VỰC NAM Á VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM
Trần Nguyễn Phước Thông 1
2. ĐÁNH GIÁ SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN TRONG THỰC THI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG TẠI BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ BÙ ĐÓP, TỈNH BÌNH PHƯỚC
Phạm Văn Hương, Lê Tuấn Sơn..... 9
3. KHẢ NĂNG SỬ DỤNG CÁT NGHIÊN NGUỒN GỐC ĐÁ VÔI CHO BÊ TÔNG CƯỜNG ĐỘ CAO
Tăng Văn Lâm, Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Trọng Chức..... 18
4. ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM MÔ HÌNH GÂY TRỒNG GIỚI ẨM HẠT (*MICHELIA TONKINENSIS* A. CHEV) TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC
Phạm Văn Hương, Nguyễn Trọng Phú..... 28
5. RỦI RO SINH THÁI VÀ Ô NHIỄM KIM LOẠI NẶNG TRONG ĐẤT Ở TỈNH ĐỒNG NAI
Nguyễn Thanh Hùng, Trần Thị Thắm 38
6. NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA GIỚI TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI PHƯỜNG BA ĐÌNH, THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA
Bùi Đức Tấn..... 47
7. NGHIÊN CỨU BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH NƯỚC MẶT MỘT SỐ HỒ CHỨA TẠI TỈNH ĐẮK LẮK TRONG MÙA KHÔ 2019-2020 BẰNG DỮ LIỆU ẢNH VIỄN THÂM SENTINEL 2 MSI
Trần Xuân Biên, Trịnh Lê Hùng, Phạm Thế Trịnh, Tô Thị Phượng..... 57
8. NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG THỬ NGHIỆM THUẬT TOÁN PHÂN CỤM DỮ LIỆU (AI) ĐỂ PHÂN VÙNG CÁC ĐẶC TRƯNG NHIỆT ĐỘ, ĐỘ MUỐI BỀ MẶT KHU VỰC BIỂN ĐÔNG
Nguyễn Hồng Lâm, Lê Phú Hưng..... 67
9. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ ĐẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI TẠI HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG
Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Lưu Quang Hiệp, Nguyễn Văn Phơ..... 77
10. ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CÁT ĐẾN MÔI TRƯỜNG TRÊN LƯU VỰC SÔNG HỒNG, HUYỆN TRẤN YÊN, TỈNH YÊN BÁI
Vũ Văn Lâm, Nguyễn Hồng Lâm, Bùi Đắc Thuyết..... 90
11. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG DO XÂM NHẬP MẶN CÁC TẦNG CHỨA NƯỚC VEN BIỂN TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NƯỚC BIỂN DÂNG TẠI CÁC ĐỒNG BẰNG VEN BIỂN MIỀN TRUNG
Tạ Thị Thoảng, Phạm Quý Nhân, Trần Thành Lê, Nguyễn Tiến Vinh..... 100
12. CÁCH TIẾP CẬN TOÀN DIỆN ĐỐI VỚI QUẢN LÝ BỀN VỮNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT TẠI KHU VỰC BẮN KHÔ HẠN VÙNG ĐỒNG BẰNG NINH THUẬN, VIỆT NAM
Phạm Quý Nhân, Nguyễn Thế Chuyên, Tạ Thị Thoảng, Trần Thành Lê, Nguyễn Tiến Vinh 107

13. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC SÔNG TAM ĐIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA
Lại Thế Dung 116
14. ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN MÔ HÌNH NUÔI CÁ RÔ PHI THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH
Bùi Đắc Thuyết 125
15. XÁC ĐỊNH CÁC CẤU TRÚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỐI KHOÁNG HÓA VÀNG ẨN SÂU KHU VỰC NÔNG SƠN - ĐÀ NẴNG THEO TÀI LIỆU ĐỊA VẬT LÝ
Đỗ Minh Phương, Bùi Minh Thành, Phan Thị Hồng, Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Nguyên Vương, Nguyễn Hoàng Dương, Lại Thế Vinh 134
16. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG Ở VÙNG VEN BIỂN VIỆT NAM
Trần Bắc Bộ 145
17. TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
Võ Thị Hoài 154
18. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI BỀN VỮNG TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI VIỆT NAM
Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Hằng, Vũ Thị Thu Hiền, Trương Thị Thảo 160
19. ỨNG DỤNG MÔ HÌNH VẬN ĐỘNG KHÔNG ỔN ĐỊNH MÔ PHÒNG HỆ THỐNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT LƯU VỰC SÔNG RIO COBRE, JAMAICA
Đỗ Thị Thùy Dung, Uton Henry, Yangxiao Zhou, Bùi Du Dương 167
20. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN CHẾ ĐỘ DÒNG CHẢY LƯU VỰC SÔNG VU GIA - THU BỒN
Nguyễn Thị Lan Anh, Trương Văn Anh, Trần Thị Tú 177
21. NGHIÊN CỨU CÁC NGUYÊN NHÂN GÂY SẠT LỞ ĐẤT VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG SẠT LỞ ĐẤT GIẢM THIỂU THIẾT HẠI Ở CÁC HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA
Đỗ Thị Nụ, Lê Duy Hiếu 188
22. NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ RỦI RO SINH THÁI CỦA MỘT SỐ KIM LOẠI NẶNG TRONG TRẦM TÍCH VÙNG CỬA SÔNG BA CHÊ, VỊNH BÁI TỬ LONG, TỈNH QUẢNG NINH
Đào Trung Thành, Trần Thị Ngọc, Nguyễn Thị Hồng 201
23. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI SẦM SƠN, TỈNH THANH HOÁ: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC
Nguyễn Thị Mỹ Vân 209
24. NGHIÊN CỨU NHẬN THỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Trần Thị Mai Phương, Vũ Thục Anh 216
25. NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA MẬT ĐỘ CÂY TRONG RỪNG NGẬP MẶN ĐẾN TỶ LỆ SÓNG TRUYỀN BẰNG MÔ HÌNH MÃ NGUỒN MỞ SWAN VÀ SWASH
Đào Hoàng Tùng, Phạm Đoàn Hải Anh, Nguyễn Mai Lan, Nguyễn Thị Lan 225
26. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ WEBGIS TRONG QUẢN LÝ HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA
Nguyễn Thị Duyên, Hoàng Văn Tuấn 236

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG Ở VÙNG VEN BIỂN VIỆT NAM

Trần Bắc Bộ

Trường Đại học Mở - Địa chất

Tóm tắt

Phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng ven biển là đảm bảo cho các phân ngành kinh tế - xã hội vùng ven biển như khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; Du lịch, dịch vụ biển; Vận tải biển, dịch vụ logistics, đóng tàu và sửa chữa tàu biển, nghiên cứu khoa học - công nghệ về quản lý và phát triển kinh tế biển, ... được phát triển ổn định, an toàn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và cả nước. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển ở Việt Nam hiện nay và yêu cầu phát triển bền vững. Đồng thời cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển như: Nhận thức về khai thác và bảo vệ vùng ven biển, chủ quyền biển, đảo của một bộ phận người dân còn hạn chế; Sự cố, thiên tai trên biển, gây ô nhiễm môi trường còn diễn ra phức tạp; Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tình hình biển, đảo làm ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị - xã hội của nhân dân vùng ven biển, ... Để khắc phục những hạn chế, khó khăn trên, báo cáo đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng ven biển ở Việt Nam, góp phần phát triển kinh tế vùng ven biển ngày càng nhanh, bền vững, chính trị - xã hội ngày càng ổn định.

Từ khóa: Kinh tế - xã hội; Vùng ven biển; Phát triển bền vững.

Abstract

Some solutions for sustainable social development in coastal area of Viet Nam

Sustainable socio - economic development in coastal areas is to ensure socio - economic sub - sectors in coastal areas such as fishing, aquaculture and seafood processing; Tourism, sea services; Sea transportation, logistics services, shipbuilding and ship repair, scientific - technological research on management and development of the marine economy is developed stably, safely, protect natural resources, preserve the environment, promote socio - economic development in coastal areas and the whole country. Based on assessing achievements in socio - economic development in coastal regions of Vietnam today and requirements for sustainable development. At the same time, it also pointed out the shortcomings and limitations in socio - economic development in coastal areas, such as awareness of exploitation and protection of coastal regions, sovereignty of sea and islands of some people is still limited; Incidents and natural disasters at sea, causing environmental pollution are still complicated; The resistance of hostile and reactionary forces to take advantage of the sea and island situation to affect the socio - political stability of the people in coastal areas, ... To overcome the above limitations and difficulties, the report proposes several solutions to sustainable socio - economic development in coastal regions of Viet Nam, contributing to a faster and more sustainable economy.

Keywords: Socio - economic development; Coastal areas; Sustainable development.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia ven biển có bờ biển kéo dài 3.260 km, đi qua 28 tỉnh (thành phố), có trên 30 cảng biển với 166 bến cảng, 350 cầu cảng với tổng chiều dài khoảng 45.000 m, 112 cửa sông, 47 vũng vịnh, 2.770 đảo lớn, nhỏ ven bờ với diện tích khoảng 1.720 km² phân bố rải rác trên

các vùng biển ven bờ vịnh Bắc Bộ, biển Tây Nam và phía Nam. Vùng ven biển Việt Nam trải dài từ Bắc xuống Nam, từ Móng Cái ở phía Bắc đến Hà Tiên ở phía Tây Nam, nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển rất lớn. Trong đó, sinh vật biển là nguồn lợi quan trọng nhất, bao gồm hàng trăm nghìn loài động vật, thực vật và vi sinh vật như: Cá, tôm, cua, mực,... làm thực phẩm; Rong và tảo đủ màu sắc, là nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm và công nghiệp hoá chất. Bên cạnh đó, biển còn là nguồn cung cấp hóa chất và khoáng sản với trữ lượng lớn; Tổng lượng muối tan chứa trong nước biển là 48 triệu km³, trong đó có muối ăn, iốt và 60 nguyên tố hoá học khác; Nguồn năng lượng sạch từ biển và đại dương như năng lượng thủy triều, năng lượng sóng,... hiện đang được khai thác phục vụ vận tải biển, chạy máy phát điện và nhiều lợi ích khác của con người. Vùng ven biển có các bãi biển lớn nhỏ, nắng ấm quanh năm, không khí trong lành với nhiều cảnh quan đẹp; Đảo và vùng ven biển tập trung nhiều di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, nhiều di tích văn hóa - lịch sử, các lễ hội dân gian của cư dân miền biển, tín ngưỡng, phong tục tập quán liên quan đến biển,... Ngoài ra, hệ thống giao thông đường thủy trên biển còn có một vai trò hết sức quan trọng giúp rút ngắn khoảng cách và thời gian đi lại cho các vùng miền, các quốc gia trên thế giới [3].

Từ những số liệu trên, cho ta thấy biển, đảo ven bờ ở Việt Nam có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng và an ninh. Trong chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018, Hội nghị Trung ương 8, khoá XII của Đảng, xác định: “Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; Bảo đảm hài hoà giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; Tăng cường liên kết, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; Phát huy tiềm năng, lợi thế của biển, tạo động lực phát triển,...” [1]. Theo đó, chú trọng xây dựng, phát triển bền vững các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững.

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển Việt Nam cũng tồn tại những khó khăn, hạn chế, bất cập cần phải giải quyết như vấn đề an ninh, an toàn vùng ven biển, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường biển,... trong tất cả các phân ngành kinh tế - xã hội vùng ven biển. Trước những khó khăn, hạn chế nêu trên, đòi hỏi cấp thiết phải có hệ thống các giải pháp đồng bộ, phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển nói chung, cho từng phân ngành kinh tế - xã hội vùng ven biển nói riêng được phát triển nhanh và bền vững. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng ven biển Việt Nam.

Mục tiêu nghiên cứu của báo cáo này là đi sâu đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và những yêu cầu phát triển bền vững. Trong đó, tập trung vào đánh giá những điểm mạnh, thành tựu và những tồn tại, hạn chế, khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, báo cáo đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Báo cáo khoa học sử dụng một số phương pháp nghiên cứu, cụ thể:

Phương pháp trừu tượng hoá: Với phương pháp nghiên cứu này, báo cáo định hướng chuyên sâu cho những vấn đề cơ bản nhất cũng như thể hiện bản chất của các phân ngành kinh tế - xã hội

vùng ven biển, của sự phát triển bền vững và mối quan hệ giữa chúng. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu phân đặt vấn đề và phân kết quả nghiên cứu của báo cáo.

Phương pháp hệ thống hóa để tiếp cận liên ngành: Phương pháp nghiên cứu này, báo cáo tiếp cận tổng thể dưới góc độ của triết học, khoa học xã hội nhân văn, khoa học quân sự, khoa học kinh tế chính trị để làm rõ mối quan hệ nhiều chiều, phức tạp của việc phát triển kinh tế - xã hội với phát triển bền vững vùng ven biển.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Tác giả đi sâu phân tích các khái niệm mang tính tổng hợp như: Kinh tế - xã hội vùng ven biển, phát triển bền vững, phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng ven biển,... trên cơ sở đó làm rõ nội hàm chuyên sâu về những phân ngành kinh tế - xã hội vùng ven biển gắn với điều kiện của phát triển bền vững.

Phương pháp nghiên cứu thống kê, so sánh và kết hợp logic với lịch sử: Báo cáo khoa học sử dụng phương pháp thống kê để thu thập số liệu về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển Việt Nam hiện nay. Tác giả tiến hành so sánh, đối chiếu hệ thống các số liệu dựa trên các tiêu chí đánh giá để rút ra sự khác nhau giữa những số liệu thống kê. Đây là căn cứ để đánh giá khoa học khách quan tình hình thực tiễn. Từ đó, rút ra được những kết luận quan trọng về kết quả đạt được, những vấn đề đặt ra và nguyên nhân chủ yếu của những vấn đề đặt ra này.

Đồng thời, thông qua kết hợp logic và lịch sử, suy luận để dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển trong nước, khu vực và quốc tế liên quan đến vấn đề nghiên cứu, nhằm định hướng phát triển, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng ven biển Việt Nam. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong phần giải pháp đề xuất.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số thành tựu phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở vùng ven biển của Việt Nam

Phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng ven biển là sự gia tăng toàn diện các phân ngành kinh tế biển như: Khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; Du lịch, dịch vụ biển; Vận tải biển và dịch vụ cảng biển; Đóng tàu và sửa chữa tàu biển; Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; Nghiên cứu khoa học - công nghệ về quản lý và phát triển kinh tế biển,... phát triển toàn diện và đồng bộ của các phân ngành kinh tế biển đảo, nhằm khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo vùng ven biển [5].

Đối với khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản, đã tập trung đẩy mạnh hoạt động đánh bắt hải sản, nhất là đánh bắt xa bờ; Hoàn thiện và mở rộng các cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ngư dân bám biển dài ngày; Nuôi trồng thủy sản đa dạng theo quy hoạch; Các công trình hạ tầng thủy sản, đặc biệt là các dự án về xây dựng khu hậu cần dịch vụ nghề cá và hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã được đầu tư phát triển bằng nhiều nguồn, phát triển khá đồng bộ, từng bước hoàn thiện, hiện đại hoá, chất lượng cao hơn, đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu đẩy mạnh khai thác tài nguyên biển, phát triển kinh tế - xã hội ven biển [7]. Nhà nước và chính quyền địa phương các cấp đã có nhiều chính sách hỗ trợ ngư dân đóng mới phương tiện, vươn khơi bám biển, đảo kết hợp với bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo; Phát triển đồng bộ theo hướng hiện đại các khâu trong lĩnh vực dịch vụ hậu cần nghề cá đảm bảo cho ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản phát triển ổn định, giảm thiểu được rủi ro, nguy cơ mất an ninh, an toàn trên biển [2].

Đối với ngành du lịch, dịch vụ biển, đã đa dạng hoá các loại hình du lịch biển, nghỉ dưỡng và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ du lịch biển. Hiện nay, cả nước đã xây dựng được trên 125 bãi biển lớn nhỏ, nắng ấm quanh năm, không khí trong lành với nhiều cảnh quan đẹp phục

vụ cho du khách trong và ngoài nước, trong đó bãi biển Đà Nẵng đã được tạp chí kinh tế hàng đầu của Mỹ Forbes bình chọn là một trong sáu bãi tắm quyến rũ nhất hành tinh [4]. Việt Nam cũng là một trong 12 quốc gia có các vịnh đẹp nhất thế giới như vịnh Hạ Long, vịnh Nha Trang; Các hoạt động kinh doanh lễ hành, lưu trú du lịch, vận chuyển khách du lịch, phát triển khu du lịch, điểm du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch khác ngày càng phát triển, đem lại thu nhập cho người dân ven biển, cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch và nguồn thu cho ngân sách nhà nước; Xây dựng ngành du lịch, dịch vụ biển ngày càng ổn định, thân thiện, an toàn nhằm thoả mãn nhu cầu của du khách, đồng thời đảm bảo lợi ích về kinh tế, giữ gìn văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường vùng ven biển Việt Nam [6].

Đối với lĩnh vực vận tải biển, dịch vụ logistics, đóng tàu và sửa chữa tàu biển trong giai đoạn vừa qua có bước phát triển đáng kể, giá trị sản lượng toàn ngành vận tải biển, dịch vụ cảng biển và đóng tàu gia tăng liên tục với tốc độ khác nhau trong từng giai đoạn phát triển ngành. Hiện nay, Việt Nam đã xây dựng được 286 bến cảng, nơi hàng hoá được chuyển từ vận tải đường bộ sang đường biển, đảm nhiệm tới 90 % tổng lượng hàng hoá xuất nhập khẩu và một phần hàng hoá lưu chuyển nội địa [4], trong đó có cảng biển, cụm cảng biển ngang tầm quốc tế và khu vực như cảng biển quốc tế Quy Nhơn, cụm cảng biển tổng hợp cấp quốc gia Hải Phòng [10]. Đối với lĩnh vực nghiên cứu khoa học - công nghệ về quản lý và phát triển kinh tế biển được xác định là nền tảng vững chắc góp phần thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược về phát triển bền vững kinh tế - xã hội ven biển; Phát triển nghiên cứu khoa học - công nghệ biển là cơ sở quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo tồn tự nhiên, ngăn ngừa và phòng chống thiên tai. Đối với lĩnh vực dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, đã được quan tâm xây dựng, kiện toàn về đội ngũ, cơ sở vật chất, phương tiện để kịp thời ngăn ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội và hỗ trợ, bảo vệ ngư dân, giúp cho ngư dân vững tin bám biển để lao động sản xuất, bảo đảm sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội ven biển. Đồng thời, đây cũng là hoạt động thường xuyên của các lực lượng chức năng như cảnh sát biển, kiểm ngư, bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ, ... nhằm giữ ổn định để phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển [9].

3.2. Một số hạn chế, khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển Việt Nam

Công tác quản lý nhà nước các cấp ở các tỉnh (thành phố) ven biển về kinh tế - xã hội còn đang lúng túng và thiếu tư duy toàn diện, chưa mang tính thời đại về phát triển kinh tế - xã hội biển trong bối cảnh cả thế giới đang đồng loạt tiến ra biển. Nhận thức về khai thác và bảo vệ vùng ven biển, chủ quyền biển, đảo của một bộ phận người dân còn hạn chế.

Vùng ven biển cả nước đang phải đối mặt với sự suy giảm các nguồn lợi thủy hải sản, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển; Khai thác tài nguyên và môi trường biển; Về ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ... đã tác động xấu tới phát triển kinh tế - xã hội ven biển, ảnh hưởng đến việc đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững vùng biển [8].

Trong lĩnh vực khai thác thủy hải sản, ngư dân, doanh nghiệp dễ gây ra những hoạt động khai thác gây hủy hoại môi trường biển và ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân ven biển; Tình hình thời tiết thay đổi bất thường trên biển như bão gió, áp thấp nhiệt đới kèm theo mưa lớn trực tiếp đe dọa đến tính mạng, sức khoẻ của ngư dân, người dân ven biển; Tình trạng trộm cắp tài sản, tranh chấp ngư trường, tông va, vướng lưới, đánh nhau trên biển vẫn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, khó lường; Tình trạng ngư dân gặp sự cố trên biển như bị ốm đau, tai nạn, chìm tàu, hỏng máy, mắc đá ngầm, mắc cạn, ... vẫn thường xuyên xảy ra đã gây khó khăn cho lĩnh vực khai thác hải sản biển [10].

Trong lĩnh vực hàng hải như dịch vụ cảng biển, xây dựng cơ sở hạ tầng vùng ven biển còn thiếu thốn và lạc hậu, nhất là việc xây dựng các bến cảng, các cơ sở công nghiệp biển; Các khu dịch vụ trên đảo mở tràn lan, không tuân thủ các nguyên tắc chung, làm ảnh hưởng đến khả năng quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn trên biển, đảo. Mặt khác, trong phát triển kinh tế hàng hải cũng phát sinh rất nhiều vấn đề diễn biến phức tạp, gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự trên biển như xâm hại môi trường biển, buôn lậu, vận chuyển hàng cấm, hàng giả, cướp biển, lợi dụng ranh giới biển để gây hấn, tranh chấp chủ quyền, xâm phạm chủ quyền làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững vùng ven biển [5].

Trong lĩnh vực du lịch biển, sự biến đổi khí hậu tác động trực tiếp đến kết cấu hạ tầng du lịch, hoạt động lữ hành và đặc biệt là tài nguyên du lịch biển. Mặt khác, trong lĩnh vực này còn nhiều vấn đề nảy sinh phức tạp như: Tình trạng du khách gặp tai nạn, bị xâm hại tài sản, tính mạng, tình trạng đeo bám, chèo kéo, lợi dụng, chèn ép, lừa đảo khách du lịch vẫn còn xảy ra; Việc niêm yết giá, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tại các cơ sở kinh doanh thương mại du lịch, dịch vụ trên địa bàn một số vùng ven biển chưa rõ ràng, đầy đủ. Việc tiếp nhận, xử lý và trả lời các phản ánh, khiếu nại, tố cáo về an toàn, an ninh trật tự liên quan đến hoạt động du lịch trên địa bàn một số vùng ven biển có lúc chưa kịp thời; Vẫn còn xảy ra các hành vi gây rối trật tự công cộng của khách du lịch làm ảnh hưởng đến lĩnh vực du lịch biển và hình ảnh Việt Nam [2].

Từ những đánh giá thực trạng nêu trên, để góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn, như “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” do Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII đã đề ra [1].

4. Giải pháp đề xuất

4.1. Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, sự cần thiết và yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển hiện nay

Công tác tuyên truyền về xây dựng, bảo vệ chủ quyền biển đảo nói chung và phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển nói riêng phải được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là trách nhiệm triển khai của cơ quan quản lý các cấp ở các tỉnh (thành phố) ven biển và được xây dựng thành chương trình, kế hoạch để tuyên truyền giáo dục cho toàn dân, mọi cấp, mọi ngành chặt chẽ, hợp lý. Trong đó, tập trung xây dựng kế hoạch tuyên truyền giáo dục để nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, sự cần thiết và yêu cầu của các lĩnh vực phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển gắn với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung.

Nội dung và hình thức tuyên truyền đòi hỏi phải được đổi mới, đa dạng phù hợp với từng đối tượng và từng thời điểm, có sự phối hợp giữa các lực lượng làm công tác này. Nội dung tuyên truyền cần tập trung làm rõ vị trí, tầm quan trọng, thực trạng cũng như các yêu cầu, biện pháp để phát triển bền vững các phân ngành kinh tế - xã hội vùng ven biển như: Tuyên truyền bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; Tuyên truyền về điều tra môi trường biển, phát triển khoa học - công nghệ biển; Công tác dự báo, phòng chống và cảnh báo thiên tai, cứu hộ, cứu nạn; Tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống các hiện tượng sai trái, tiêu cực, chống buôn lậu trên biển đảo, phê phán các hành vi đánh bắt có tính chất huỷ diệt nguồn lợi thủy, hải sản, phá hoại môi trường sinh thái biển, tàu, thuyền nước ngoài vi phạm chủ quyền, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực cơ hội, thù địch xuyên tạc về chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

Biện pháp triển khai công tác tuyên truyền phải được tiến hành một cách chủ động, tích cực, thường xuyên, liên tục và có sự vào cuộc của tất cả các ban, ngành, cấp ủy và chính quyền từ tỉnh (thành phố) tới các xã, phường, thị trấn ven biển, nhằm tạo ra sự chuyển biến sâu, rộng trong nhận thức của cán bộ, nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh (thành phố) ven biển về vị trí, vai trò, sự cần thiết và yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội ven biển góp phần phát triển kinh tế.

4.2. Xây dựng hoàn thiện các chính sách phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển trong tình hình hiện nay

Xây dựng chính sách thống nhất, đặc thù phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển theo hướng mở và hội nhập. Hệ thống chính sách trong mỗi phân ngành phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển phải được xây dựng thống nhất, có nhấn mạnh đến yếu tố đặc thù là trung tâm kinh tế ven biển của từng tỉnh (thành phố). Vừa đảm bảo tính hoàn thiện theo hướng mở, hội nhập được với kinh tế quốc tế, vừa đảm bảo quan hệ tương tác giữa các tỉnh (thành phố) và có sự điều phối thống nhất từ Trung ương; Gắn tăng trưởng kinh tế vùng ven biển với giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, quốc phòng - an ninh.

Xây dựng các chính sách về đảm bảo an ninh, an toàn các hoạt động kinh tế - xã hội ven biển. Do tính đặc thù của các hoạt động kinh tế - xã hội ven biển là dễ gặp rủi ro do những diễn biến bất thường của thời tiết nên cần có các hoạt động hỗ trợ tốt cho lĩnh vực này như: Công tác dự báo thời tiết và cung cấp kịp thời các thông tin về dự báo thời tiết cho ngư dân khi đánh bắt xa bờ. Bên cạnh đó cần xây dựng lực lượng cứu hộ, cứu nạn đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và được trang bị đầy đủ những trang thiết bị cần thiết cho công tác cứu hộ, cứu nạn. Ngoài ra cần chủ động xây dựng các phương án cứu hộ, cứu nạn để sẵn sàng đáp ứng khi có sự cố xảy ra. Đây phải được coi là điều kiện tiên quyết để phát triển các ngành sản xuất có liên quan tới khai thác tài nguyên biển. Cùng với đó, đẩy mạnh các loại hình bảo hiểm cho các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội ven biển.

Hoàn thiện các chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng ven biển. Có chính sách phù hợp để thực hiện các hoạt động kết nối đất liền với các đảo, tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh, bền vững. Đảm bảo tính kết nối giữa các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch và tuyến du lịch để hỗ trợ nhau phát triển. Phát triển mạnh hệ thống cảng biển tỉnh (thành phố), xây dựng đồng bộ một số cảng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, đặc biệt chú trọng các cảng nước sâu, tạo những cửa mở lớn vươn ra biển thông thương với thế giới. Đầu tư một cách có chiều sâu vào khoa học kỹ thuật để làm sao cải tiến và dần hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật ở các cảng, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Xây dựng chính sách đặc thù nhằm phát triển các vùng nông thôn ven biển và hải đảo trên ba mặt: Dân trí, dân sinh và dân chủ. Đặc biệt quan tâm chính sách đưa dân ra đảo, có cơ chế thu hút nhân dân làm ăn, sinh sống trên các đảo. Trước mắt là định kỳ từ 2 đến 3 năm, sau ổn định điều kiện sống sẽ khuyến khích người dân định cư trên các đảo và tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

4.3. Phát triển bền vững các phân ngành kinh tế - xã hội chủ yếu vùng ven biển hiện nay

Để phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển hiện nay, cần tập trung phát triển nhanh và bền vững các phân ngành chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, đối với lĩnh vực khai thác và chế biến hải sản: Hạn chế khai thác gần bờ để tái tạo nguồn lợi hải sản đang bị cạn kiệt, tập trung nhân lực và nguồn vốn cho các tàu lớn để tăng cường

năng lực, hiệu quả khai thác hải sản xa bờ và hiệu quả dịch vụ hậu cần nghề cá. Bên cạnh đó, phát triển kết hợp theo hướng lồng ghép khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá với phục vụ du lịch. Đẩy mạnh phát triển và nâng công suất chế biến thủy sản theo hướng hiện đại và bền vững trên cơ sở phát huy lợi thế từ các nhóm sản phẩm chủ lực có dung lượng thị trường lớn, có lợi thế cạnh tranh và giá trị xuất khẩu cao. Đồng thời chú trọng phát triển chế biến tiêu thụ nội địa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng trong nước.

Phát triển chế biến thủy sản bền vững theo quy hoạch, gắn với phát triển vùng nguyên liệu thủy sản, đảm bảo ổn định và kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lợi thủy sản.

Tăng cường chế biến sâu, chú trọng đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, đa dạng hoá sản phẩm, tăng tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng và sản phẩm sử dụng ít nguyên liệu thủy sản. Giảm dần thu hút đầu tư các dự án mới về chế biến xuất khẩu sản phẩm thô; Thúc đẩy đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường trong các nhà máy chế biến hiện có; Phát triển chế biến thủy sản phải đi đôi với bảo vệ môi trường.

Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, thúc đẩy hình thành và phát triển các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nhanh chóng đưa các doanh nghiệp trong ngành tham gia sâu vào chuỗi giá trị thực phẩm toàn cầu.

Thứ hai, đối với lĩnh vực du lịch biển: Tập trung đầu tư, xây dựng các tỉnh (thành phố) có tiềm năng về du lịch biển, phát triển du lịch biển trở thành các trung tâm du lịch quốc gia, khu vực và quốc tế như: Thiên đường nghỉ dưỡng, trung tâm mua sắm, trung tâm của các cuộc thi sắc đẹp - nghệ thuật và trung tâm giải trí,... thu hút khách có mức chi tiêu cao.

Chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch biển chính như: Nhóm sản phẩm du lịch biển, nghỉ dưỡng cao cấp; Nhóm sản phẩm du lịch kết hợp chữa bệnh bằng y học cổ truyền, du lịch kết hợp giáo dục và nghiên cứu thực địa; Nhóm sản phẩm du lịch sinh thái gắn với di sản văn hoá thế giới, du lịch tàu biển và các tuyến đường sông; Nhóm sản phẩm du lịch mua sắm, hội nghị hội thảo.

Phát triển xây dựng sản phẩm phụ trợ: Các hoạt động giải trí thể thao biển phù hợp với thị hiếu của khách nước ngoài, các dịch vụ thể thao biển, dịch vụ du thuyền đáp ứng nhu cầu của khách đam mê thể thao biển.

Phát triển một số khu vui chơi giải trí trong nhà và ngoài trời, đa dạng hoá các hoạt động phù hợp với nhiều đối tượng, với các loại hình phong phú như: Festival Biển, lễ hội ẩm thực, lễ hội âm nhạc, lễ hội ảo thuật. Phát triển sản phẩm phục vụ giải trí, thể thao trên biển, chú trọng phát triển các hoạt động vui chơi giải trí về đêm.

Hỗ trợ quảng bá hơn nữa các sản phẩm đặc sản, thủ công mỹ nghệ và quà lưu niệm địa phương để phát triển hoạt động mua sắm du lịch.

Quy hoạch khu phố, chợ ẩm thực địa phương dọc tuyến đường biển; Quy hoạch đất và không gian cho việc xây dựng khu phố ẩm thực trong sự kết hợp hài hoà khu vực kinh doanh một số dịch vụ vui chơi giải trí và một số loại hình kinh doanh mua sắm khác.

Thứ ba, đối với lĩnh vực hàng hải: Chủ trương phấn đấu một số tỉnh (thành phố) ven biển đến năm 2025 sẽ có các cảng biển chuyên biệt như: Cảng chuyên cho du lịch tàu biển, cảng chuyên dịch vụ hậu cần cảng, chủ yếu là hậu cần nghề cá, cảng hàng hoá,...

Về hoạt động dịch vụ trong cảng, phát triển một số cảng theo hướng phục vụ tàu container, tàu khách, tàu chuyên dụng có trọng tải lớn,...

Về hoạt động dịch vụ ngoài cảng - dịch vụ logistics, phát triển hệ thống kho bãi và các dịch vụ như đóng gói, dịch vụ phụ trợ vận tải, container, kho thuê hải quan, dịch vụ phân phối hàng đến kho thu hàng,... Bên cạnh đó, chú trọng phát triển dịch vụ cảng và vận tải biển theo hướng nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp, hướng tới cung cấp các dịch vụ trọn gói. Nâng cao thị phần của các doanh nghiệp trên các địa bàn tỉnh (thành phố) ven biển trên thị trường; Phát triển theo hướng hiện đại hoá cả về số lượng và chất lượng đội tàu dịch vụ chuyên dụng: Công vụ, hoa tiêu, lai dắt, bảo đảm hàng hải, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ hàng hải, nghiên cứu thăm dò - khảo sát tài nguyên biển, du lịch, thể thao, giải trí và các loại tàu dịch vụ chuyên dụng khác.

Thứ tư, đối với lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ về khai thác và quản lý kinh tế biển: Đây là cơ sở nền tảng quan trọng để thực hiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển khoa học và đạt hiệu quả cao.

Thường xuyên khảo sát, điều tra, thu thập thông tin về kinh tế - xã hội, tài nguyên, sinh vật cảnh và dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường trên vùng biển. Điều tra, nghiên cứu các điều kiện tự nhiên: Địa hình, địa mạo, địa chất, khoáng sản, tài nguyên, năng lượng sạch, địa động lực biển và bờ biển phục vụ cho việc quản lý tổng hợp thống nhất biển và hải đảo. Lựa chọn, đầu tư các trang thiết bị chuyên dụng, mời các chuyên gia cùng tham gia thực hiện điều tra khảo sát, cập nhật bổ sung đối với một số đối tượng cần thiết để bảo tồn và quản lý sử dụng như rạn san hô, thảm cỏ biển, rong biển, các nguồn lợi hải sản có giá trị kinh tế cao.

5. Kết luận

Phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển ở nước ta không chỉ là phát triển các ngành kinh tế có hoạt động trên biển mà còn bao gồm cả những ngành ở trên bờ nhưng gắn bó trực tiếp hoặc gián tiếp tới biển. Thực tế cho thấy, tùy thuộc vào điều kiện của từng tỉnh (thành phố) ven biển, mà các lĩnh vực kinh tế - xã hội ven biển đạt được một số thành tựu cơ bản như đem lại nguồn thu nhập cho người dân, doanh nghiệp và cả nước, đảm bảo sự ổn định, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Qua tìm hiểu thực trạng một số phân ngành kinh tế - xã hội chủ yếu ven biển như ngành kinh tế du lịch biển, ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, ngành kinh tế hàng hải, lĩnh vực khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác biển,... có tiềm năng phát triển rất lớn trong cả khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại hạn chế như công tác quản lý nhà nước, vấn đề an ninh, an toàn còn chưa chặt chẽ; Công tác gìn giữ môi trường biển chưa thực sự được chú trọng, ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp chưa cao, còn vì lợi nhuận mà khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên, xem thường việc hủy hoại môi trường biển,... làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển cả nước. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp như: Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, sự cần thiết và yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển hiện nay; Xây dựng hoàn thiện các chính sách phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng ven biển; Phát triển bền vững các phân ngành kinh tế - xã hội chủ yếu vùng ven biển. Quá trình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển cần được thực hiện hiệu quả và đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ góp phần làm phát triển bền vững vùng kinh tế - xã hội vùng ven biển Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương khoá XII (2018). Nghị quyết số 36NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- [2]. Nguyễn Tuấn Dũng (2016). Phát triển kinh tế du lịch biển - đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Tạp chí Phát triển khoa học và Công nghệ, tập 19, 20-26.

- [3]. Phạm Xuân Hậu (2011). Vấn đề phát triển kinh tế biển - đảo, ven biển Việt Nam thời kỳ kinh tế thị trường và hội nhập. Tạp chí Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, (29), 76-86.
- [4]. Thông tấn xã Việt Nam (2018). Biển, đảo Việt Nam: Tiềm năng và lợi thế. http://sonoivu.hanoi.gov.vn/thong-tin-tuyen-truyen/-/view_content/2386499-bien-dao-viet-nam-tiem-nang-va-loi-the.html
- [5]. Ngô Bình Thuận (2016). Một số giải pháp phát triển kinh tế biển bền vững. Tạp chí Tài chính. Kỳ 2, số tháng 6.
- [6]. Trần Toàn (2022). Tiềm năng phát triển của hệ thống đảo ven bờ. <http://m.tapchiquptd.vn/vi/bien-dao-viet-nam/tiem-nang-phan-trien-cua-he-thong-dao-ven-bo-18590.html#>
- [7]. Phạm Ngọc Trâm (2016). Bảo vệ chủ quyền và quản lý - khai thác biển đảo Việt Nam (1975-2014). Nhà xuất bản Tổng hợp.
- [8]. Lê Anh Tuấn (2015). Giải pháp phát triển kinh tế biển bền vững trước thách thức của biến đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Viện Nghiên cứu biến đổi khí hậu, Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
- [9]. Lưu Ngọc Trinh và Cao Tường Huy (2013). Phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam, thực trạng và một số bài học. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, (9/70), 27-49.
- [10]. Đoàn Hải Yến (2016). Phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển vùng đồng bằng Sông Hồng. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

BBT nhận bài: 28/7/2023; Chấp nhận đăng: 15/9/2023